**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM KIỂM TRA HỌC KÌ II**

**MÔN TIẾNG VIỆT**

**5 BÀI ĐỌC THÀNH TIẾNG HỌC KÌ II LỚP 5**

Bài 1. Một vụ đắm tàu (trang 115)

✄ …………………………………………………………………………………………........................

Bài 2. Con gái (trang 118)

✄ ………………………………………………………………………………………….........................

Bài 3. Tà áo dài Việt Nam (trang 127)

✄ ………………………………………………………………………………………….........................

Bài 4. Công việc đầu tiên (trang 133)

✄ …………………………………………………………………………………………........................

Bài 5. Út Vịnh (trang 143)

✄ …………………………………………………………………………………………........................

*\* HS bốc thăm chọn 1 trong các bài để đọc thành tiếng đoạn văn khoảng 80-85 tiếng trong thời gian 1 phút và trả lời 1 câu hỏi về nội dung đoạn đọc trong SGK*(Sách Tiếng Việt 5 tập 2) *( chú ý tránh trường hợp 2 học sinh kiểm tra liên tiếp đọc một đoạn giống nhau)*

**\* Đọc đúng tiếng, đúng từ ( 2 điểm)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Đọc đúng tiếng, đúng từ | Đọc sai dưới 3 tiếng | Đọc sai3-5 tiếng | Đọc sai6-10 tiếng | Đọc saitrên 10 tiếng |
| **2 điểm** | **1,5 điểm** | **1 điểm** | **0,5 điểm** | **0 điểm** |

**\* Ngắt, nghỉ hơi đúng ở các dấu câu: 0.75 điểm**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ngắt, nghỉ hơi đúng ở các dấu câu, có thể mắc lỗi về ngắt, nghỉ hơi ở 1 hoặc 2 dâu câu | Không ngắt, nghỉ hơi đúng ở 3 đến 4 dấu câu | Không ngắt, nghỉ hơi đúng ở 5 dấu câu trở lên |
| **0.75 điểm** | **0,5 điểm** | **0 điểm** |

 **\* Tốc độ đạt yêu cầu số tiếng/ 1 phút theo qui định lớp 4: 0.75 điểm**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Đọc đạt yêu cầu số tiếng/1 phút | Đọc từ trên 1 phút đến 2 phút | Đọc quá 2 phút, phải đánh vần nhẩm |
| **0.75 điểm** | **0,5 điểm** | **0 điểm** |

**\* Trả lời đúng ý câu hỏi do GV nêu: 0.5 điểm**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Trả lời đúng ý câu hỏi do GV nêu | Trả lời chưa đủ ý hoặc hiểu câu hỏi nhưng diễn đạt còn lúng túng, chưa rõ ràng. | Không trả lời được hoặc trả lời sai ý |
| **0.5 điểm** | **0,25 điểm** | **0 điểm** |

**ĐÁP ÁN MÔN TIẾNG VIỆT: Phần đọc hiểu**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu 1(0,5 đ) | Câu 2(0,5 đ) | Câu 3(0,5 đ) | Câu 4(0,5 đ) | Câu 5(0,5 đ) | Câu 6(0,75 đ) | Câu 7( 0,75đ) |
| B | C | B | B | A | A | B |

Câu 8 (1 đ): Hồi cô còn nhỏ, / một người hàng xóm / đã mua kính cho cô.

 TN CN VN

Câu 9 (1đ ): vừa ... đã

Câu 10 (1đ): Sống không chỉ biết nhận mà phải biết cho.// Sống phải biết quan tâm, giúp đỡ người khác, nhất là những người có hoàn cảnh khó khăn…

**3. Kiểm tra viết**

**3.1. Hướng dẫn chấm chính tả: 4 điểm**

- Tốc độ đạt yêu cầu; chữ viết rõ ràng, viết đúng kiểu chữ, cỡ chữ; trình bày đúng quy định, viết sạch, đẹp

- Sai 3 lỗi trừ 1 điểm

**3.2. Tập làm văn***:*

a) Đảm bảo các yêu cầu sau được 6 điểm:

 \* Hình thức: (1 điểm)

Đủ 3 phần, chữ viết rõ ràng, trình bày bài viết sạch sẽ, không dưới 20 dòng.

\* Nội dung: (4 điểm)

 - Nội dung, kết cấu có đủ 3 phần:

+ Mở bài: Giới thiệu Con đường quen thuộc từ nhà đến trường

+ Thân bài: a) Tả bao quát Con đường quen thuộc từ nhà đến trường

.

 b) Tả từng bộ phận của con đường: cây cối, không khí, các hàng quán, nhà cửa, chim chóc, đường phố, xe cộ, vỉa hè,….

+ Kết bài: Nêu cảm nghĩ đối với Con đường quen thuộc từ nhà đến trường.

 - Trình tự miêu tả hợp lí.

 \* Diễn đạt: (1 điểm)

 - Viết câu văn đúng ngữ pháp, dùng từ chính xác, diễn đạt trôi chảy, tình cảm chân thật, không mắc lỗi chính tả.

 b) Tuỳ theo mức độ sai sót về ý, về diễn đạt và chữ viết, có thể cho các mức điểm: 5,5; 5; 4,5; 4; 3,5; 3; 2,5; 2; 1,5; 1; 0,5.